TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày: 16/3/2018
V/v: Tranh chấp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ
2. Ông Trần Hữu Tân

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

Ngày 16/3/2018 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hụi".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13a/2018/QĐST- DS ngày 30/1/2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu O,sinh năm 1971.

Trú tại:,khu phố 6,phường P,thành phố B,tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971 (vắng măt)

Cùng trú tại: khu phố 4,phường P,thành phố B,tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2017,bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu O trình bày:

Vào khoảng thời gian năm 2015 bà O có nhiều lần tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Mỹ H làm chủ hụi, cụ thể bà O tham gia các phần hụi sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 5 và 20/2/2016 (âm lịch), bà O tham gia 03 phần, đã đóng cho bà H số tiền là 81.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/6/2015 (âm lịch), bà O tham gia 02 phần,số tiền đã đóng hụi là 27.500.000 đồng

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15 và 30/9/2016 (âm lịch), bà 0 tham gia 03phần và đã đóng cho bà H số tiền là 23.000.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 25/6/2016 (âm lịch), bà O tham gia 02 phần, số tiền đã đóng cho bà H là 22.400.000 đồng.

Đến khoảng tháng 12/2016 bà H tuyên bố ngưng hụi, bà 0 nhiều lần yêu cầu bà H hoàn lại cho bà số tiền đã đóng nhưng bà H không thực hiện, đến ngày 20/02/2017 bà H làm " giấy thối vốn hụi" với nội dung xác nhận có nhận của bà O số tiền hụi bà O đã đóng là 153.900.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu O khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà số tiền còn nợ là 153.900.000 đồng không yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H phải trả lãi số tiền trên, từ thời điểm bà khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Việc bà O và bà Nguyễn Mỹ H giao dịch các dây hụi với nhau ông Nguyễn Ngọc C là chồng của bà Nguyễn Mỹ H thì phải có nghĩa vụ cùng bà H liên đới trách nhiệm trả cho bà 0 số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: theo nội dung đơn khởi kiện,vào khoảng thời gian từ năm 2015 bà Nguyễn Thị Thu O và bà Nguyễn Mỹ H có giao kết với nhau nhiều lần hụi, vào khoảng cuối tháng 12/2016 thì ngưng hụi ngày 20/02/2017 bà Nguyễn Mỹ H có làm tờ xác nhận còn nợ tiền hụi bà O số tiền là 153.900.000 đồng, bà 0 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và chồng là ông Nguyễn Ngọc C phải hoàn trả số tiền hụi mà bà đã đóng cho bà Nguyễn Mỹ H, yêu cầu khởi kiện của bà 0 là tranh chấp hụi được xem xét theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ theo qui định nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Mỹ H và Ông Nguyễn Ngọc C.

[3] Nội dung tranh chấp: Theo lời khai của bà O tại phiên tòa, bà O và bà Nguyễn Mỹ H có giao dịch nhiều dây hụi, tổng số tiền bà Nguyễn Mỹ H nợ bà O là 153.900.000 đồng theo tờ " giấy thối vốn hụi " ngày 20/02/2017.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu O về việc yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền hụi còn nợ là 153.900.000 đồng, chứng cứ bà O yêu cầu bà H trả số tiền trên là 01 tờ " giấy thối vốn hụi" ngày 20/02/2017.

Xét về hình thức, tờ giấy viết tay do bà O cung cấp và theo lời khai của bà O thì tờ giấy này do bà chính H viết và bà H ký tên, Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

Về nội dung, theo lời khai của bà O sau nhiều lần bà 0 yêu cầu bà H trả số tiền trên cho bà nhưng bà H không thực hiện đến ngày 20/02/2017 bà H với bà đã thỏa thuận và kết hụi bà H xác nhận có nhận số tiền hụi của bà đã đóng là 153.900.000 đồng, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa bà Nguyễn Thi Thu O và bà Nguyễn Mỹ H là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các thông báo kết quả phiên họp và công khai chứng cứ do bà Nguyễn Thị Thu O cung cấp. Nhưng bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu O cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai, và tờ "giấy thối vốn hụi" mà bà O cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của bà O

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Mỹ H đã xác nhận các khỏan nợ hụi thì phải có nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thu O không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi bà Nguyễn Mỹ H còn nợ.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bà 0 có yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C phải có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Mỹ H trong việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền hụi đã đóng. Ông Chí và bà H là vợ chồng thời điểm bà giao dịch các dây hụi với bà H thì ông Chí và bà H cùng sống chung nhà có nhiều lần bà O đến nhà bà H đóng hụi thì ông Chí là người nhận thay, ông Chí hiện vẫn đang

chung sống cùng gia đình với bà H nên buộc ông Chí phải có trách nhiệm, Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, ông Chí là chồng của bà H nên việc buộc ông Chí phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả số tiền trên cho bà O là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của nguyên đơn, bà H, ông Chí phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà 0 được chấp nhận nên bà không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối số tiền là 7.695.000 *đồng (bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117,119, 471 Điều 280 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu O.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu O số tiền nợ hụi là 153.900.000đồng(*một trăm năm mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C phải nộp số tiền 7.695.000 *đồng (bảy triệu sáu trăm chín lăm ngàn đồng).*

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.847.500 *đồng (ba triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng)* cho bà Nguyễn Thị Thu O theo biên lai thu số 0011498 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan